

Bản án số: 380/2023/DS-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Hòa
- Bà Mai Thị Thanh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C đường P, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Thanh P, sinh năm 1995 (Giấy ủy quyền số 230719-CCO ngày 19/7/2023 của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H).

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C đường P, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số 861/32/2 đường T, khu phố 4, tổ 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Đặng Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Huỳnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H và quá trình giải quyết vụ án ông Đảng Thanh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/08/2019, bà Huỳnh Ngọc T có ký Đề nghị cấp tín dụng Kiêm hợp đồng tín dụng số 2W014725101 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H (sau đây viết tắt là Công ty H) để vay số tiền 36.800.000 đồng, với lãi suất là 29%/năm, để mua xe máy nhãn hiệu Honda Vario, số khung 637309, số máy 1637698. Theo thỏa thuận, vào ngày 25 hàng tháng, bà T phải thanh toán cho Công ty H số tiền 2.710.807 đồng liên tục trong 18 kỳ, trả góp bắt đầu từ ngày 25/09/2019 đến ngày 25/02/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T thanh toán cho Công ty H được 12 lần với tổng số tiền là 30.360.000 đồng (trong đó tiền gốc 20.789.438 đồng; tiền lãi 7.210.776 đồng; tiền lãi quá hạn 673.123 đồng và phí bảo hiểm 1.686.663 đồng), sau đó thì ngưng không thanh toán. Công ty H đã nhiều lần liên lạc, đôn đốc bà T trả nợ, nhưng không kết quả.

Do bà Huỳnh Ngọc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nêu trên, nên Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Ngọc T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 19.355.989 đồng (trong đó nợ gốc 16.010.562 đồng; nợ lãi trong hạn tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày 25/01/2021 là 1.529.008 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ 26/8/2020 đến ngày ký đơn khởi kiện 12/9/2022 là 1.816.419 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho Công ty H nêu trên, hàng tháng bà Huỳnh Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất chậm thanh toán quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty H không yêu cầu bà Huỳnh Ngọc T thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết đến khi xét xử và Công ty H không lưu giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của bà Trân, nên Công ty H không yêu cầu Tòa xử lý tài sản thế chấp (theo Hợp đồng thế chấp số 2W014725101 ký ngày 31/8/2019 giữa bà Huỳnh Ngọc T và Công ty H)

- *Đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Huỳnh Ngọc T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà T không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho bà Huỳnh Ngọc T thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2), nhưng bà T vẫn không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Đàng Thanh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Không yêu cầu bà Huỳnh Ngọc T thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

- Bị đơn bà Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa (lần 2) nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Ngọc T phải trả các khoản nợ phát sinh từ Đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W014725101 ngày 31/08/2019. Xét đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đảng Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Huỳnh Ngọc T, tại phiên tòa ngày 29/8/2023 và tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Ngọc T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của Công ty H về việc buộc bà Huỳnh Ngọc T phải trả cho Công ty H toàn bộ các khoản nợ với tổng số tiền là 19.355.989 đồng (nợ gốc 16.010.562 đồng, nợ lãi trong hạn tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày 25/01/2021 là 1.529.008 đồng và nợ lãi quá hạn tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày ký đơn khởi kiện 12/9/2022 là 1.816.419 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bà Huỳnh Ngọc T còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày Công ty H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả dứt nợ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Đề nghị cấp tín dụng Kiêm hợp đồng tín dụng số 2W014725101 ngày 31/8/2019 có cơ sở xác định bà Huỳnh Ngọc T có vay của Công ty H số tiền 36.800.000 đồng.

[3.2] Căn cứ Bảng chi tiết thanh toán khách hàng Huỳnh Ngọc T, số hợp đồng: 2W014725101 lập ngày 12/9/2022 của Công ty H xác định bà Huỳnh Ngọc T đã trả cho Công ty H được 12 lần với tổng số tiền là 30.360.000 đồng (trong đó tiền gốc 20.789.438 đồng; tiền lãi 7.210.776 đồng; tiền lãi quá hạn 673.123 đồng và phí bảo hiểm 1.686.663 đồng). Tại Mục 2.11.1 của Hợp đồng các bên thỏa thuận: *“Khoản thanh toán hàng tháng phải được thanh toán đầy đủ bằng tiền đồng Việt Nam vào ngày đến hạn thanh toán được quy định tại Mục 2.5 của Đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng; mỗi kỳ thanh toán được tính là đã trả ngay sau khi bên cho vay đã nhận được đầy đủ khoản tiền này”*. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Như vậy, có cơ sở xác định bà Huỳnh Ngọc T có vay và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng như đã nêu trên, nên yêu cầu của Công ty H về việc buộc bà Huỳnh Ngọc T phải trả cho Công ty H toàn bộ các khoản nợ với tổng số tiền là 19.355.989 đồng; trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ được chấp nhận.

[3.3] Về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2.*

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Do đó, yêu cầu của Công ty H về việc buộc bà Huỳnh Ngọc T còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày Công ty H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả dứt nợ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án là có căn cứ được chấp nhận.

[3.4] Đối với các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử và tài sản thế chấp (theo Hợp đồng thế chấp số 2W014725101 ký ngày 31/8/2019 giữa bà Huỳnh Ngọc T và Công ty HD SAISON) xét thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty H được chấp nhận, nên bà Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 967.799 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H.

Buộc bà Huỳnh Ngọc T phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H tổng số tiền là 19.355.989 (mười chín triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi chín) đồng (trong đó nợ gốc 16.010.562 đồng, nợ lãi trong hạn 1.529.008 đồng, nợ lãi quá hạn 1.816.419 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H nêu trên, hàng tháng bà Huỳnh Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 967.799 (chín trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 483.000 (bốn trăm tám mươi ba ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015264 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (TK Hà Trang)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA